TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Cao Trí.

2. Ông Nguyễn Văn Giữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 359/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 414/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nhã P, sinh năm 1989, địa chỉ: Tổ 10, ấp Mỹ A, xã Mỹ P, huyện C, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Quốc V, sinh năm 1983, địa chỉ: Tổ 10, ấp Mỹ A, xã Mỹ P, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2023, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nhã P trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông V chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ P, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/HT ngày 08/01/2009. Thời gian đầu sống

hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Hiện bà và ông V đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà P yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông V đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng ông V vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên toà.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Tuy nhiên bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà P và ông V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà P yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà P và ông V chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/HT ngày 08/01/2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà P thì mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Hiện bà và ông V đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà P yêu cầu ly hôn với ông V.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông V đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng ông V vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà P và ông V. Tại biên bản xác minh do Tòa án lập ngày 03/7/2023, đại diện ban ấp Mỹ A, xã Mỹ P, huyện C cho biết trong quá trình chung sống bà P và ông V có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ do không nhận được thông tin.

Từ cơ sở trên xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông V là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà P yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

Bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhã P.

Bà Nguyễn Thị Nhã P được ly hôn với ông Đoàn Quốc V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06/HT ngày 08/01/2009 của Uỷ ban nhân dân xã Mỹ P, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Nhã P và ông Đoàn Quốc V không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nhã P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005499 ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Đoàn Quốc V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Mỹ Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.